

CÔNG TY TNHH LÊ NGUYỄN

BÁO CÁO KHẢO SÁT
CÔNG TÁC LẬP BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH TỶ LỆ 1/500

Công trình: QUY HOẠCH KHU [REDACTED]

MỞ RỘNG VỀ PHÍA NAM 2.

Địa điểm: XÃ NHƠN HỘI – THÀNH PHỐ QUY NHƠN.

Hạng mục: KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH.

Chủ đầu tư:

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH

Đơn vị tư vấn:

CÔNG TY TNHH LÊ NGUYỄN

PHẦN THUNHAT
KHAI LƯỢC ĐẶC ĐIỂM KHU ĐO

I- CĂN CỨ THỰC HIỆN:

Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và đầu tư xây dựng công trình;

Thông tư 05/2011/TT-BXD ngày 9/6/2011 của Bộ Xây dựng Quy định việc kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công tác khảo sát lập bản đồ địa hình phục vụ quy hoạch và thiết kế xây dựng;

Thông tư 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Thông tư 17/2013/TT-BXD ngày 30/10/2013 về việc hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;

Đơn giá xây dựng công trình – Phần khảo sát xây dựng tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Văn bản số 5525/UBND-KTN ngày 27/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định;

Hướng dẫn số 65/HD-SXD ngày 24/01/2014 của Sở Xây dựng Bình Định Lập tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng công trình;

Văn bản số 4875/UBND-TH về việc thẩm định và phê duyệt quy hoạch Khu TĐC Nhơn Phước mở rộng (giai đoạn 3);

Căn cứ Hợp đồng Tư vấn khảo sát số 147/HĐ-TVXD ngày 27/01/2014 giữa Công ty TNHH Lê Nguyễn với Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 271/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Nhiệm vụ thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu TĐC Nhơn Phước mở rộng về phía Nam 2;

Bản đồ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/500.

Căn cứ TCVN 9398:2012.

Căn cứ theo quy phạm đo vẽ chuyên ngành.

Căn cứ theo 14 TCN-110-2000. Thành phần, nội dung và khối lượng khảo sát trong các giai đoạn.

II- MỤC ĐÍCH VÀ ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KHU ĐO:

Để phục vụ cho khu tái định cư do giải phóng mặt bằng công trình: Khu du lịch Hải Giang nhằm ổn định đời sống cho nhân dân. Do đó, việc khảo sát thiết kế quy hoạch chi tiết xây dựng khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía nam 2 là điều cần thiết.

Khu vực khảo sát nằm về phía nam xã Nhơn Phước, dọc theo đường tỉnh ĐT 639, có độ dốc thấp dần từ bắc đến nam, một phần đã được san lấp, phần lớn là vùng ao, hồ, đầm lầy; Khó khăn trong việc đi lại, bố trí điểm đường chuyển và đo vẽ chi tiết. Do đó, phân cấp chung địa hình khu vực khảo sát là địa hình cấp II.

Ranh giới khảo sát được xác định như sau:

- Đông giáp: đường ĐT 639.

- Tây giáp: hồ tôm.

	DC-7		349.511	0.006	1/ 62400	349 40	34.56	12.21	
	DC-6		349.511	0.006	1/ 62400	169 40	34.56	12.21	
DC-7	DC-8		402.018	0.006	1/ 68000	354 44	55.00	10.61	
	DC-2		128.439	0.005	1/ 26100	266 46	14.04	11.33	
DC-8	DC-7		402.018	0.006	1/ 68000	174 44	55.00	10.61	
	II-01		267.399	0.005	1/ 49500	340 44	8.94	9.78	
II-01	DC-8		267.399	0.005	1/ 49500	160 44	8.94	9.78	
	II-02		142.324	----	----	251 39	16.37	----	
II-02	II-01		142.324	----	----	71 39	16.37	----	
	DC-1		279.376	0.005	1/ 51100	181 13	41.89	10.22	

KET QUA DANH GIA DO CHINH XAC LUOI

1_Sai so trong so don vi M = 13.43"

2_Diem yeu nhat (DC-5) mp = 0.039 (m)

3_Chieu dai canh yeu : (DC-4 _ DC-5) ms/s = 1/23800

4_Phuong vi canh yeu : (DC-4 _ DC-5) ma = 15.32"

BANG TRI DO, SO HIEU CHINH VA TRI BINH SAI GOC

So	K I	H I E U	G O C	TRI DO	SO CC	SO H.C	TRI BINH SAI
TT	Trai	Giua	Phai	o ' "	m.ph.	('')	o ' "
1	DC-1	II-02	II-01	250 25 41.00	---	-6.52	250 25 34.48
2	DC-2	DC-1	II-02	203 32 42.00	---	-5.12	203 32 36.88
3	DC-3	DC-2	DC-1	160 5 55.00	---	2.78	160 5 57.78
4	DC-1	DC-2	DC-7	109 5 14.00	---	-4.96	109 5 9.04
5	DC-4	DC-3	DC-2	199 56 16.00	---	-1.37	199 56 14.63
6	DC-5	DC-4	DC-3	229 31 27.00	---	1.07	229 31 28.07
7	DC-6	DC-5	DC-4	295 56 10.00	---	7.53	295 56 17.53
8	DC-7	DC-6	DC-5	182 30 23.00	---	9.44	182 30 32.44
9	DC-8	DC-7	DC-6	174 55 22.00	---	17.56	174 55 39.56
10	DC-6	DC-7	DC-2	97 5 33.00	---	6.48	97 5 39.48
11	II-01	DC-8	DC-7	194 0 34.00	---	12.05	194 0 46.05
12	II-02	II-01	DC-8	269 4 49.00	---	3.58	269 4 52.58

BANG TRI DO, SO HIEU CHINH VA TRI BINH SAI CANH

SO	KI	HIEU	CANH	TRI DO	SO CAI CHINH	SO HIEU	TRI
TT	d.1	d.2			Elip	UTM	BINH SAI
						(m)	(m)
1	II-02	DC-1	279.361	----	0.012	0.003	279.376
2	DC-1	DC-2	363.058	----	0.016	0.003	363.077
3	DC-2	DC-3	302.602	----	0.013	0.003	302.618
4	DC-3	DC-4	268.166	----	0.012	0.002	268.180
5	DC-4	DC-5	116.190	----	0.005	0.001	116.196
6	DC-5	DC-6	252.241	----	0.011	-0.002	252.250
7	DC-6	DC-7	349.498	----	0.016	-0.003	349.511